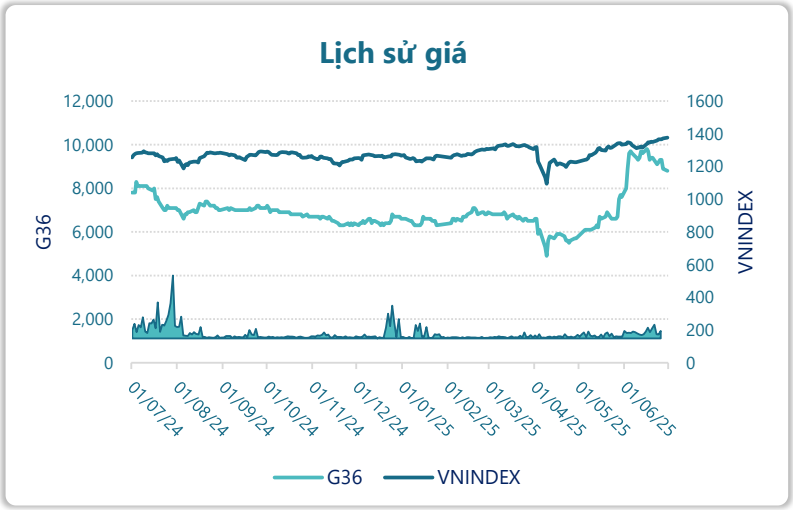
FireAnt

Tổng Công ty 36 - CTCP (UPCOM: G36)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	103,745,067
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,481,515
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	913
P/E	40.7
EPS	216

DT thuần

Q2/25

626

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 437| 231%

YoY: ▲ 291| 86.8%

LN sau thuế

Q2/25

5.66

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.4| -68.7%

YoY: ▼8.44| -59.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.7%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

6T 2025

815

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 305| 59.7%

LN sau thuế

6T 2025

23.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.40| -15.5%

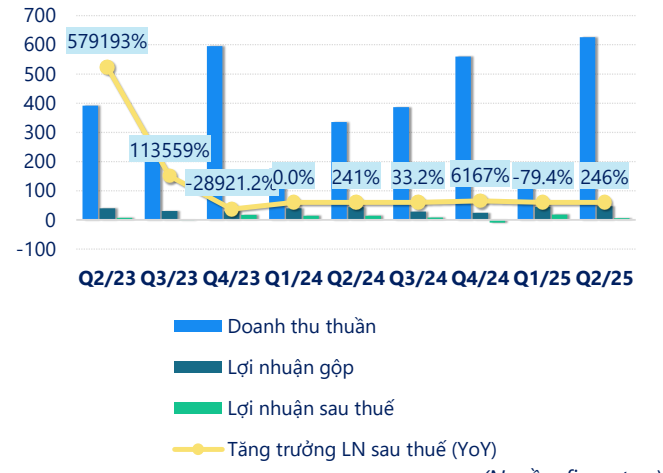
ROE

Q2/25

2.0%

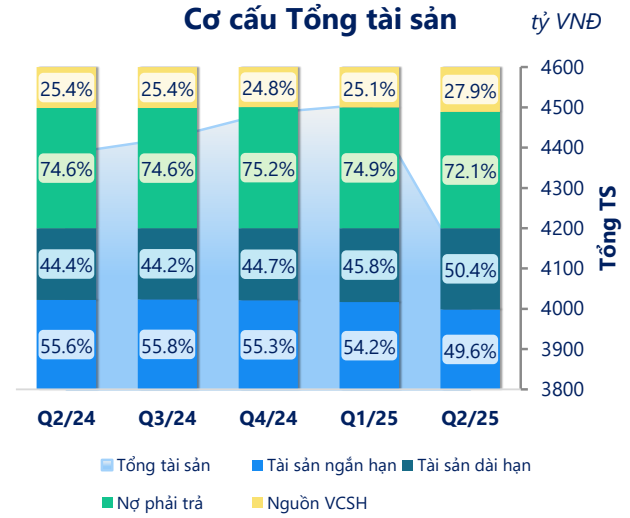
+/- YoY: ▼ 2.0%

Kết quả kinh doanh



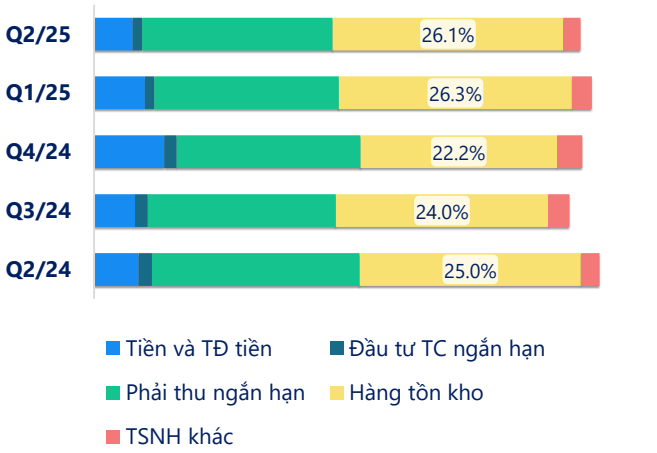
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



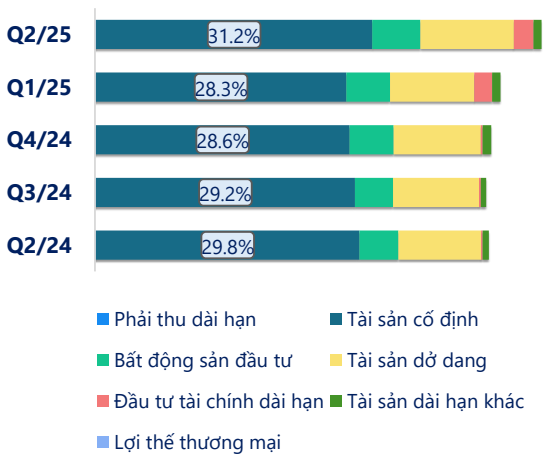
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



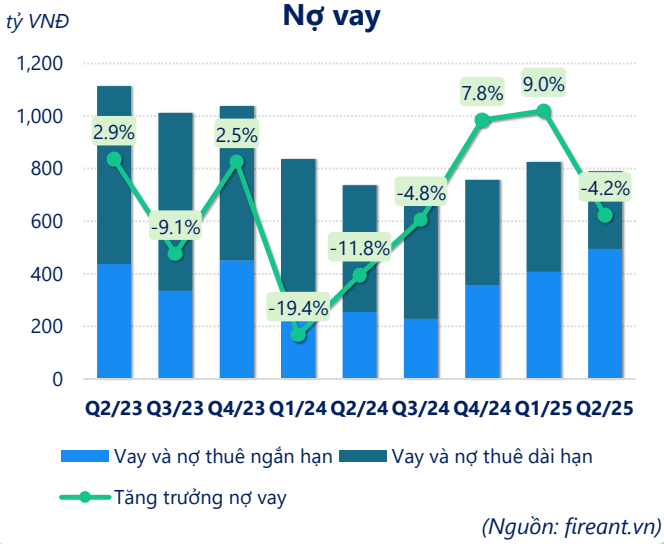
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



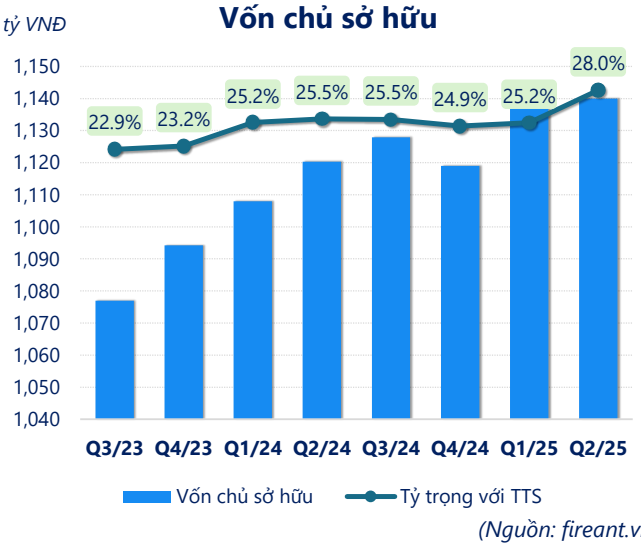
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



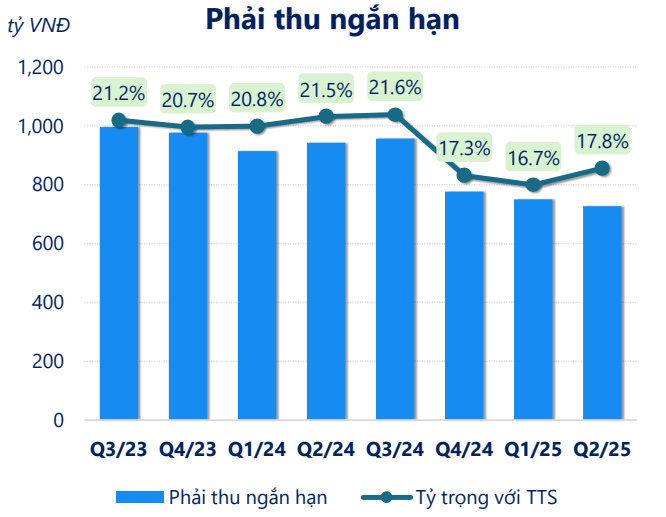
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



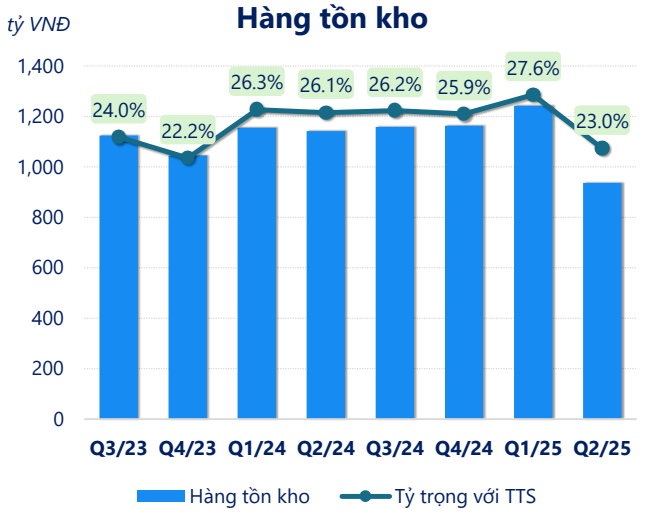
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



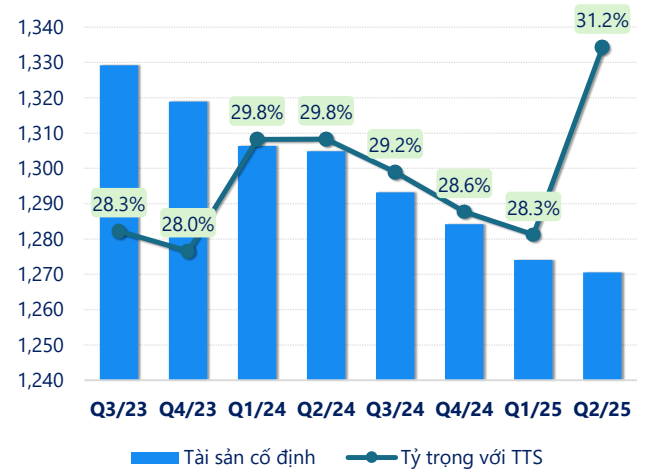
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



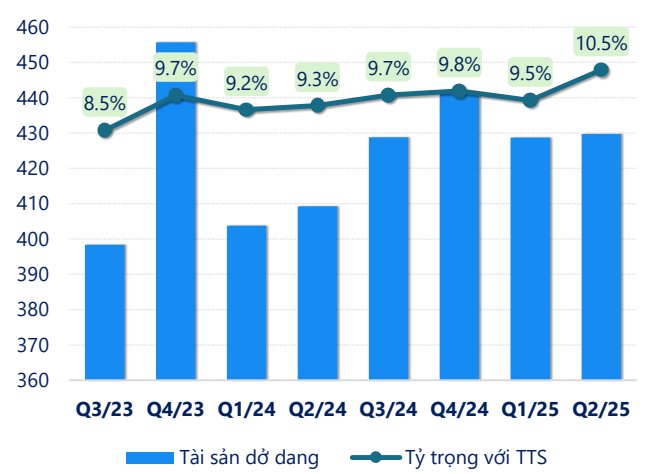
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



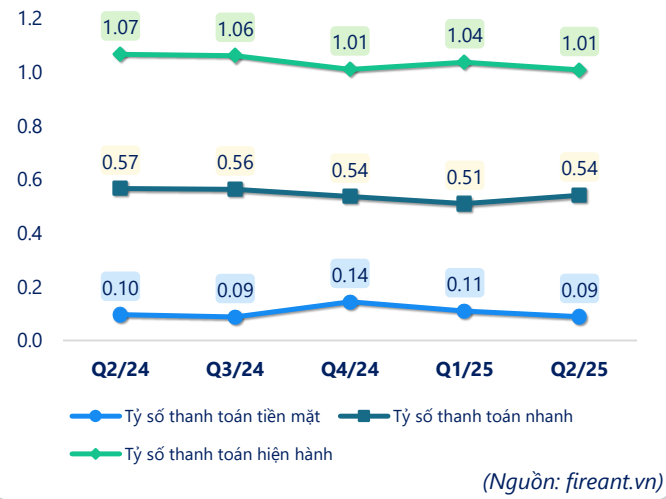
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



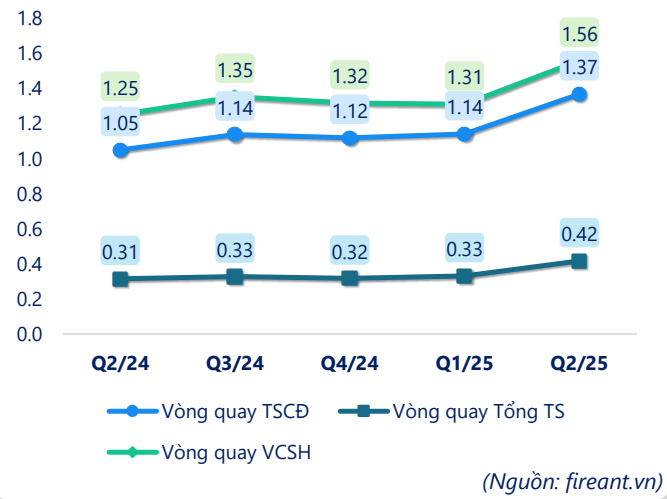
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,385**	**4,423**	**4,486**	**4,507**	**4,074**
Tài sản ngắn hạn	**2,437**	**2,470**	**2,481**	**2,445**	**2,021**
Tiền và tương đương tiền	220	204	354	258	177
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.2	47.2	47.2	97.2	97.2
Phải thu ngắn hạn	942	957	777	751	727
Hàng tồn kho	1,142	1,159	1,163	1,242	937
Tài sản ngắn hạn khác	84.6	102	139	96.3	82.6
Tài sản dài hạn	**1,949**	**1,953**	**2,006**	**2,063**	**2,053**
Phải thu dài hạn	4.39	4.39	4.39	4.49	4.49
Tài sản cố định	1,305	1,293	1,284	1,274	1,271
Bất động sản đầu tư	192	190	224	222	220
Tài sản dở dang	409	429	441	429	430
Đầu tư tài chính dài hạn	8.35	8.35	8.15	91.0	91.0
Tài sản dài hạn khác	30.2	27.6	43.8	42.4	37.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,270**	**3,299**	**3,373**	**3,375**	**2,939**
Nợ ngắn hạn	**2,285**	**2,327**	**2,455**	**2,357**	**2,004**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	254	229	356	407	494
Phải trả người bán ngắn hạn	608	580	600	459	417
Nợ dài hạn	985	972	918	1,018	935
Vay và nợ thuê dài hạn	483	473	401	418	296
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,115**	**1,123**	**1,113**	**1,133**	**1,136**
Vốn chủ sở hữu	**1,120**	**1,128**	**1,119**	**1,137**	**1,140**
Vốn điều lệ	1,037	1,037	1,037	1,037	1,037
Kinh phí và quỹ khác	-5.20	-4.49	-5.67	-4.31	-4.34

(Nguồn: fireant.vn)